TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 31/10/2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tăng Thị Bạch Vân

2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2019/TLST-DS, ngày 28/6/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2019/QĐXXST-DS, ngày 20/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐST-DS, ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Mã Văn A, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Số 108 ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*: Mã Văn B, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/6/2019 của nguyên đơn Mã Văn A thì vụ án có nội dung như sau*:

Bị đơn Mã Văn B đã vay tiền của Tổ hùng vốn ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/8/2016 vay 25.000.000đ tiền vốn.

Lần 2: Ngày 04/5/2017 vay 10.000.000đ tiền vốn.

Tổng tiền vốn là: 35.000.000đ, lãi thỏa thuận là: 3%/tháng. Tính đến ngày 04/8/2018 bị đơn B còn thiếu tiền lãi là 6.300.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi còn thiếu là: 35.000.000đ + 6.300.000đ = 41.300.000đ.

Tổ hùng vốn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn B phải trả số tiền vốn và lãi còn thiếu nhưng bị đơn B chưa trả. Vì vậy, nguyên đơn A đại diện Tổ hùng vốn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn B phải trả tiền vốn và tiền lãi còn thiếu là 41.300.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn A thay đổi một phần yêu cầu cầu khởi kiện về tính tiền lãi, cụ thể nguyên đơn A yêu cầu bị đơn B phải trả số tiền vốn còn thiếu là 35.000.000đ và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật tính đến khi trả hết nợ vay.

* *Đối với bị đơn B*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 457/TB-TLVA, ngày 28/6/2019 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn B nhưng bị đơn B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn B tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn B không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn A tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn B chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Do nguyên đơn A tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi và việc thay đổi này là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn A. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, buộc bị đơn B phải trả tiền vốn còn thiếu là 35.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Bị đơn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn B vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn A yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn B theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn B.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn A thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn A yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A là trong phạm vi khởi kiện ban đầu

và được quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Nguyên đơn A đại diện Tổ hùng vốn ấp 2, xã T khởi kiện yêu cầu bị đơn B phải trả số tiền vốn vay còn thiếu là 35.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật đến khi trả xong nợ vay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 18/11/2018 của Ban nhân dân ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị đơn B thừa nhận còn thiếu Tổ hùng vốn ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng số tiền vốn là 35.000.000đ.

Do bị đơn B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về việc buộc bị đơn B phải trả số tiền vốn còn thiếu 35.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn B phải trả số tiền vốn vay còn thiếu là 35.000.000đ cho nguyên đơn A.

Bị đơn B vắng mặt và không có cơ sở để xác định chính xác ngày vay vốn, nếu tính theo ngày vay vốn do nguyên đơn cung cấp thì số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật dân sự đến ngày 18/11/2018 cao hơn so với số tiền lãi mà các bên thỏa thuận tại Biên bản hòa giải cơ sở của ấp 2, xã T ngày 18/11/2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tiền lãi tính đến ngày 18/11/2018 là 6.300.000đ.

Tiền lãi từ ngày 18/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2019 là 11 tháng 12 ngày x 35.000.000đ x 20%năm = 6.649.000đ (đã được làm tròn số) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tổng tiền lãi là: 6.300.000đ + 6.649.000đ = 12.949.000đ.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bị đơn B phải trả là: 35.000.000đ + 12.949.000đ = 47.949.000đ.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[3] *Án phí sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A được chấp nhận nên bị đơn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là: 47.949.000đ x 5% = 2.397.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mã Văn A.

1. Buộc bị đơn Mã Văn B có nghĩa vụ phải trả cho Tổ hùng vốn ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng do ông Mã Văn A đại diện nhận số tiền vốn và lãi còn thiếu là 47.949.000đ (*bốn mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng*)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn B không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn B còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm:

Bị đơn B phải chịu 2.397.000đ (*hai triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn B, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung